TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-PT
Ngày 12 - 6 - 2026
"*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Ông Nguyễn Văn Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Phạm Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 14/2026/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Thu T, sinh năm 1991; căn cước công dân số: 026191004509 cấp ngày 01/9/2021; nơi thường trú: Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện tại: Thôn E, xã T, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đặng Xuân H, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 026089005500 cấp ngày 01/9/2021; nơi thường trú: Thôn N, xã V, tỉnh Phú Thọ, (có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Đặng Xuân H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phùng Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đặng Xuân H trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 29/11/2018. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến cuối năm

2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do không tin tưởng nhau. Vợ chồng nhiều lần dàn xếp nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị ly thân nhau và cắt đứt mọi quan hệ từ tháng 6 năm 2025 đến nay. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T xác định có 03 con là cháu Đặng Thị Thanh H1 và cháu Đặng Thị Thùy T1 đều sinh ngày 02/10/2019 và cháu Đặng Yến N, sinh ngày 15/12/2022, các cháu đang sống cùng anh H. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu Yến N. Anh H được nuôi cháu H1 và cháu T1. Chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về quá trình kết hôn, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị T trình bày là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H thừa nhận có 03 con như chị T trình bày, hiện cả 03 cháu đang sống cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả 03 con, yêu cầu chị T cấp dưỡng cho 1 cháu với mức 2.500.000đ/tháng, còn 02 cháu anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung như trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án, xử.

1. Cho chị Phùng Thị Thu T được ly hôn anh Đặng Xuân H.

2. Giao cho chị Phùng Thị Thu T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đặng Yến N, sinh ngày 15/12/2022. Anh Đặng Xuân H được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thanh H1 và cháu Đặng Thị Thùy T1 đều sinh ngày 02/10/2019. Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 3 năm 2026, bị đơn anh Đặng Xuân H kháng cáo xin được nuôi cả 03 con và đề nghị chị T cấp dưỡng 2.500.000đồng/tháng, mỗi năm một lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh H giữ nguyên kháng cáo xin nuôi cả 03 con và yêu cầu chị T cấp dưỡng với mức 2.500.000đ/tháng đối với cháu N. Anh H cho rằngchị T không đủ điều kiện để nuôi con do chị đã từng có hành vi bạo hành cháu T1, cháu H1, bỏ mặc con khi ốm đau. Nguyên đơn chị T không

đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, tại phiên tòa phúc thẩm chị có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Đặng Xuân H là hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Phùng Thị Thu T kết hôn với bị đơn anh Đặng Xuân H trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 29/11/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết, các đương sự đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ, quan tâm đến nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ly hôn để mỗi bên được tạo lập cuộc sống mới theo yêu cầu của các đương sự là có căn cứ. Đồng thời giải quyết tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đã giao 02 cháu Đặng Thị Thanh H1 và Đặng Thị Thùy T1 cho bị đơn anh H nuôi dưỡng; giao 01 cháu Đặng Yến N cho nguyên đơn chị T nuôi dưỡng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin nuôi cả 03 con của bị đơn anh Đặng Xuân H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy khai sinh của cháu H1, cháu T1 và cháu N thì xác định chị T, anh H có 03 con chung là cháu Đặng Thị Thanh H1 và cháu Đặng Thị Thùy T1 đều sinh ngày 02/10/2019 và cháu Đặng Yến N, sinh ngày 15/12/2022, các cháu đang sống cùng anh H.

Thấy rằng, nguyện vọng xin nuôi con của các đương sự đều chính đáng, thể hiện tinh thần trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của các bên. Bị đơn anh H kháng cáo cho rằng nguyên đơn chị T không có đủ điều kiện nuôi con nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện các đương sự đều có nghề nghiệp là công nhân, có thu nhập hàng tháng

ở mức trung bình, có chỗ ở ổn định, đều có khả năng nuôi con và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con. Trường hợp giao cả 03 cháu cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho các cháu và xâm phạm đến quyền được nuôi con của người kia. Cháu Yến N còn nhỏ, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, cháu H1 và cháu T1 lớn hơn và đang ở cùng bố nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cho chị Phùng Thị Thu T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Yến N; anh Đặng Xuân H được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thanh H1 và cháu Đặng Thị Thùy T1 là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin nuôi cháu Đặng Yến N của bị đơn anh Đặng Xuân H. Do yêu cầu kháng cáo xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N của bị đơn không được chấp nhận nên việc anh H yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu N Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Đối với quyết định về việc ly hôn giữa chị Phùng Thị Thu T và anh Đặng Xuân H của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68, 69 và 71 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đặng Xuân H.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 16/2026/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ về nuôi con.

Giao cho chị Phùng Thị Thu T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Yến N, sinh ngày 15/12/2022. Anh Đặng Xuân H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Thị Thanh H1 và cháu Đặng Thị Thùy T1 đều sinh ngày 02/10/2019. Các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Phùng Thị Thu T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai số 0005043 ngày 10 tháng 11 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị T đã nộp xong.

Anh Đặng Xuân H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001729 lập ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận anh H đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND khu vực 10 – Phú Thọ;
- VKSND khu vực 10 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Thanh Danh